TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 824/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 651/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn", giữa:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: 58 Khu phố 36, phường TA, Thành phố H

* Bị đơn: Ông Đào Ngọc S, sinh năm: 1981

Địa chỉ thường trú: 62 TK, Khu phố 2, phường TM, Thành phố H

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thanh T và ông Đào Ngọc S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh T và ông Đào Ngọc S thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 202 do Uỷ ban nhân dân phường TM, Quận M, Thành phố H cấp ngày 16/12/2019 không còn hiệu lực).

2.2. Về con chung: Bà Lê Thanh T và ông Đào Ngọc S có với nhau 01 (một) con chung là trẻ Đào Lê Thiên N sinh ngày 25/5/2021.

Giao cho bà Lê Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Đào Lê Thiên N.

Ông Đào Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/ tháng/ một trẻ cho đến khi trẻ Thiên N đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên

phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thanh T và ông Đào Ngọc S xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Lê Thanh T tự nguyện chịu. Bà Lê Thanh T đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022627 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh) nên được cấn trừ và hoàn tiền còn dư cho bà T là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng. Bà Lê Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Đào Ngọc S phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Nơi nhận:
- TAND TP H;
- VKSND Khu vực 7 – TP H;
- Phòng Thi hành dân sự Khu vực 7 –TP H;
- UBND phường TM, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị L2